

Số: /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục loại dự án đặc thù; tổng mức đầu tư tối đa của một dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 317/TTr-SXD ngày 27 tháng 7 năm 2026, Báo cáo số 450/BC-SXD ngày 19 tháng 8 năm 2026 và Công văn số 7226/SXD-QLXD ngày 22 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định danh mục loại dự án đặc thù; tổng mức đầu tư tối đa của một dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định danh mục loại dự án đặc thù; tổng mức đầu tư tối đa của một dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại khoản 3 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý hoặc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030;

b) Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Danh mục loại dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, sửa chữa, cải tạo có tính chất kỹ thuật đơn giản hoặc sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc dự án sử dụng thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn tỉnh, thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý được quy định cụ thể như sau:

1. Loại dự án công trình đường nông thôn: Đường xã; đường thôn, buôn; đường ngõ, xóm.

2. Loại dự án công trình dân dụng:

a) Công trình chợ: Chợ nông thôn;

b) Công trình văn hóa: Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn; thư viện công cộng cấp xã; nhà văn hóa cộng đồng (Nhà sinh hoạt cộng đồng) kết hợp phòng tránh lũ ở thôn, buôn;

c) Công trình giáo dục, đào tạo: Trường mầm non; trường tiểu học; trường trung học cơ sở;

d) Công trình y tế: Trạm Y tế xã; điểm trạm Y tế;

đ) Công trình điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập internet).

3. Loại dự án công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn;

b) Công trình thoát nước;

c) Công trình chiếu sáng công cộng;

d) Công trình công viên cây xanh.

4. Loại dự án công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng: Công trình hồ, đập, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi; kênh, mương nội đồng, đường ống dẫn nước tưới, tiêu nước.

Điều 3. Tổng mức đầu tư tối đa một dự án

Tổng mức đầu tư tối đa một dự án theo từng loại dự án được quy định tại Điều 2 Quyết định này không vượt quá 5 tỷ đồng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung liên quan đến các loại dự án đầu tư thuộc khoản 1, khoản 2; điểm b, c và d khoản 3 Điều 2 Quyết định này;

b) Tổ chức triển khai văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng quy định chi tiết tiêu chí dự án đầu tư xây dựng có tính chất đơn giản; hướng dẫn thực hiện trong trường hợp có phát sinh vướng mắc;

c) Tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo lĩnh vực chuyên ngành quản lý.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung liên quan đến các loại dự án đầu tư thuộc điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Quyết định này;

b) Tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo lĩnh vực chuyên ngành quản lý.

3. Giao Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện các dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm việc tổ chức thực hiện dự án phù hợp với năng lực của cơ quan, đơn vị được giao quản lý dự án và khả năng thực hiện của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án, công trình thuộc Danh mục các dự án thuộc lĩnh vực dân dụng được áp dụng cơ chế đặc thù để quản lý đầu tư xây dựng trong các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025 được UBND tỉnh (Đắk Lắk và Phú Yên trước đây) ban hành tại Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 ban hành danh mục các dự án thuộc lĩnh vực dân dụng được áp dụng cơ chế đặc thù để quản lý đầu tư xây dựng trong các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên được tiếp tục áp dụng đến hết thời

gian thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Mục 9 Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ X, Quốc hội khóa XV.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk (trước đây) ban hành danh mục các dự án thuộc lĩnh vực dân dụng được áp dụng cơ chế đặc thù để quản lý đầu tư xây dựng trong các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025;

b) Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được căn cứ, dẫn chiếu trong Quyết định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định của văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung không còn phù hợp theo quy định thì các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 7;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đắk Lắk;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các phòng: TH, NC, NNMT, ĐTKT;
- Lưu: VT, CNXD (VTC-10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn